

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/DS-ST

Ngày: 20-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đoàn Sơn Lâm;
- Ông Ngô Hoàng Bá.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần X

Trụ sở: Tầng H V, G L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Hà P-Chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Nhật T-Giám đốc phòng giao dịch quận T-có mặt.

Địa chỉ: Số E Quốc lộ I, khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. **Bị đơn:**

- Ông Dương Ngọc T1-1978-vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- Bà Huỳnh Thanh N1-1990-vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Nhật T trình bày như sau:

Ngày 28/4/2022, ông Dương Ngọc T1 và bà Huỳnh Thanh N1 có ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Hợp đồng tín dụng số 1509-LAV-220036930 và ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 30/8/2022 để vay số tiền 9.500.000.000 đồng (Chín tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh lúa gạo (màu); Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: Từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 27/4/2023.

Nguyên đơn đã giải ngân số tiền 9.500.000.000 đồng cho bị đơn theo các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ số 1509-LDS-220001131 ngày 14/10/2022: Số tiền vay 350.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 14/10/2022 đến ngày 14/4/2023; Lịch trả nợ gốc: Một lần khi đến hạn khoản vay; Lịch trả lãi: Hàng tháng vào ngày 02; Lãi suất cho vay 9%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

- Khế ước nhận nợ số 1509-LDS-220001226 ngày 04/11/2022: Số tiền vay 1.200.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 04/11/2022 đến ngày 04/5/2023; Lịch trả nợ gốc: Một lần khi đáo hạn khoản vay; Lịch trả lãi: Hàng tháng vào ngày 02; Lãi suất cho vay 10,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

- Khế ước nhận nợ số 1509-LDS-220001498 ngày 29/12/2022: Số tiền vay 4.050.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 29/12/2022 đến ngày 29/6/2023; Lịch trả nợ gốc: Một lần khi đáo hạn khoản vay; Lịch trả lãi: Hàng tháng vào ngày 02; Lãi suất cho vay 12,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

- Khế ước nhận nợ số 1509-LDS-220000206 ngày 23/02/2023: Số tiền vay 3.900.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 23/02/2023 đến ngày 23/8/2023; Lịch trả nợ gốc: Một lần khi đáo hạn khoản vay; Lịch trả lãi: Hàng tháng vào ngày 02; lãi suất cho vay 12,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên căn cứ vào các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 310/2019/EIBTĐO-TNO/TC ngày 06/11/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 29/2021/EIBTĐO-TNO/TC ngày 29/01/2021 gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 1155m² (đất ở tại nông thôn), thửa 1273, tờ bản đồ số 04, tọa lạc xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, giấy đất số CS05366 cấp ngày 21/10/2019 do ông Dương Ngọc T1 đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12/2020/EIBTĐO-TNO/TC ngày 20/01/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 28/2021/EIBTĐO-TNO/TC ngày 29/01/2021 gồm:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 810m² (đất trồng cây lâu năm), thửa 485, tờ bản đồ số 04, tọa lạc xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, giấy đất số CS05453 cấp ngày 12/12/2019 do bà Huỳnh Thanh N1 đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 1319m² (đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp), thửa 487, tờ bản đồ số 04, tọa lạc xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, giấy đất số CS05454 cấp ngày 12/12/2019 do bà Huỳnh Thanh N1 đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 166/2021/EIBTĐO-TNO/TC ngày 23/12/2021 gồm:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 301m² (đất ở tại nông thôn), thửa 1066, tờ bản đồ số 04, tọa lạc xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, giấy đất số CH 00868 cấp ngày 08/02/2012 do bà Huỳnh Thanh N1 đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 260m² (đất ở tại nông thôn), thửa 181, tờ bản đồ số 04, tọa lạc xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, giấy đất số CH 00723 cấp ngày 10/10/2011 do bà Huỳnh Thanh N1 đứng tên.

Ngoài ra, ông Dương Ngọc T1 còn mở thẻ tín dụng số 4027373739101709 mở ngày 30/11/2020: Hạn mức thẻ 100.000.000 đồng, dư nợ thẻ hiện tại 98.369.128 đồng, lãi suất 33%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Bà Huỳnh Thanh N1 mở thẻ tín dụng số 4027373739056325 mở ngày 21/02/2020: Hạn mức thẻ 100.000.000 đồng, dư nợ thẻ hiện tại 72.633.329 đồng, lãi suất 33%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, các khoản vay của bị đơn đã quá hạn kể từ ngày 17/4/2023. Tính đến ngày 20/5/2024 bị đơn còn thiếu nguyên đơn tổng số tiền nợ vốn và nợ lãi là 11.624.847.638 đồng, trong đó:

* Khoản vay ngắn hạn của ông Dương Ngọc T1 và bà Huỳnh Thanh N1 tính đến ngày 20/5/2024 đã quá hạn 398 ngày, cụ thể:

- Nợ gốc: 9.499.999.917 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 1.264.628.210 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 520.469.851 đồng
- Tổng cộng: 11.285.097.978 đồng

* Nợ thẻ tín dụng của ông Dương Ngọc T1 tính đến ngày 20/5/2024 đã quá hạn 392 ngày, cụ thể:

- Nợ gốc: 98.369.128 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 38.865.238 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 52.294.645 đồng
- Tổng cộng: 189.529.011 đồng

* Nợ thẻ tín dụng của bà Huỳnh Thanh N1 tính đến ngày 20/5/2024 đã quá hạn

457 ngày, cụ thể:

- Nợ gốc: 72.633.329 đồng
 - Nợ lãi trong hạn: 32.571.571 đồng
 - Nợ lãi quá hạn: 45.015.749 đồng
- Tổng cộng: 150.220.649 đồng

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ nêu trên tính đến ngày 20/5/2024 là 11.624.847.638 đồng và yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 21/5/2024 cho đến khi bị đơn trả xong nợ theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 1509-LAV-220036930 ngày 28/4/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 30/8/2022, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 21/02/2020, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 30/11/2020.

Trường hợp bị đơn không trả nợ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn gồm các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất căn cứ vào các Hợp đồng thế chấp tài sản mà các bên đã ký kết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án để trình bày ý kiến hay đưa ra yêu cầu của mình. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trình bày trên. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến ngày 20/5/2024 là 11.624.847.638 đồng (trong đó, khoản vay ngắn hạn tổng số tiền 11.285.097.978 đồng, nợ thẻ tín dụng của ông Dương Ngọc T1 tổng tiền là 189.529.011 đồng, nợ thẻ tín dụng của bà Huỳnh Thanh N1 tổng số tiền là 150.220.649 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 21/5/2024 cho đến khi bị đơn trả xong nợ theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 1509-LAV-220036930 ngày 28/4/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 30/8/2022, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 21/02/2020, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 30/11/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông T1 có nơi thường trú tại huyện V nên căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn tự nguyện ký kết với nguyên đơn Hợp đồng tín dụng số 1509-LAV-220036930 ngày 28/4/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 30/8/2022, ông T1 ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 21/02/2020, bà N1 ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 30/11/2020. Các hợp đồng này tuân thủ đúng quy định pháp luật về nội dung và hình thức, đã được các bên thực hiện nên phát sinh hiệu lực. Cụ thể, nguyên đơn đã giải ngân số tiền 9.500.000.000 đồng cho bị đơn theo các khế ước nhận nợ, các bị đơn đã được cấp hạn mức thẻ tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn là vi phạm nội dung thỏa thuận thanh toán trong hợp đồng. Tính đến ngày 20/5/2024, bị đơn còn thiếu nguyên đơn tổng số tiền 11.624.847.638 đồng, trong đó: khoản nợ vay ngắn hạn là 11.285.097.978 đồng, nợ thẻ tín dụng của ông Dương Ngọc T1 189.529.011 đồng, nợ thẻ tín dụng của bà Huỳnh Thanh N1 150.220.649 đồng. Do bị đơn đã vi phạm điều khoản thanh toán trong hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở nên được chấp nhận. Vì vậy, cần phải buộc bị đơn chịu trách nhiệm thanh toán tiền vốn và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[4] Về tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho hợp đồng vay, bị đơn có ký kết với nguyên đơn các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 310/2019/EIBTĐO-TNO/TC ngày 06/11/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 29/2021/EIBTĐO-TNO/TC ngày 29/01/2021 gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 1155m² (đất ở tại nông thôn), thửa 1273, tờ bản đồ số 04, tọa lạc xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, giấy đất số CS05366 cấp ngày 21/10/2019 do ông Dương Ngọc T1 đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12/2020/EIBTĐO-TNO/TC ngày 20/01/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 28/2021/EIBTĐO-TNO/TC ngày 29/01/2021 gồm:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 810m² (đất trồng cây lâu năm), thửa 485, tờ bản đồ số 04, tọa lạc xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, giấy đất số CS05453 cấp ngày 12/12/2019 do bà Huỳnh Thanh N1 đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 1319m² (đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp), thửa 487, tờ bản đồ số 04, tọa lạc xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, giấy đất số CS05454 cấp ngày 12/12/2019 do bà Huỳnh Thanh N1 đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 166/2021/EIBTĐO-TNO/TC ngày 23/12/2021 gồm:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 301m² (đất ở tại nông thôn), thửa 1066, tờ bản đồ số 04, tọa lạc xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, giấy đất số CH 00868 cấp ngày 08/02/2012 do bà Huỳnh Thanh N1 đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 260m² (đất ở tại nông thôn), thửa 181, tờ bản đồ số 04, tọa lạc xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, giấy đất số CH 00723 cấp ngày 10/10/2011 do bà Huỳnh Thanh N1 đứng tên.

Xét thấy, việc ký các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, các hợp đồng này đã được đăng ký giao dịch đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nên yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thành lập hội đồng thẩm định tài sản, thẩm định các tài sản thế chấp của bị đơn tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nguyên đơn đã tạm ứng trước chi phí thẩm định 10.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Bị đơn ông Dương Ngọc T1 và bà Huỳnh Thanh N1 phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tổng số tiền nợ tính đến ngày 20/5/2024 là 11.624.847.638 đồng (*Mười một tỷ, sáu trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi bảy ngàn, sáu trăm ba mươi tám đồng*). Trong đó:

* Khoản nợ vay ngắn hạn của ông Dương Ngọc T1 và bà Huỳnh Thanh N1 tính đến ngày 20/5/2024 tổng số tiền 11.285.097.978 đồng, gồm:

- Nợ gốc: 9.499.999.917 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 1.264.628.210 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 520.469.851 đồng

* Nợ thẻ tín dụng của ông Dương Ngọc T1 tính đến ngày 20/5/2024 tổng số tiền 189.529.011 đồng, gồm:

- Nợ gốc: 98.369.128 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 38.865.238 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 52.294.645 đồng

* Nợ thẻ tín dụng của bà Huỳnh Thanh N1 tính đến ngày 20/5/2024 tổng số tiền 150.220.649 đồng, gồm:

- Nợ gốc: 72.633.329 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 32.571.571 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 45.015.749 đồng

Bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi và phí phát sinh tính từ ngày 21/5/2024 cho đến khi bị đơn trả xong nợ theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 1509-LAV-220036930 ngày 28/4/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 30/8/2022, Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 21/02/2020, Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 30/11/2020.

Trường hợp bị đơn không thanh toán nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất căn cứ theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 310/2019/EIBTĐO-TNO/TC ngày 06/11/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 29/2021/EIBTĐO-TNO/TC ngày 29/01/2021; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12/2020/EIBTĐO-TNO/TC ngày 20/01/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 28/2021/EIBTĐO-TNO/TC ngày 29/01/2021; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 166/2021/EIBTĐO-TNO/TC ngày 23/12/2021.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Dương Ngọc T1 và bà Huỳnh Thanh N1 phải chịu trách nhiệm liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Dương Ngọc T1 và bà Huỳnh Thanh N1 phải liên đới nộp số tiền 119.625.000 đồng (*Một trăm mười chín triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 58.969.000 đồng (*Năm mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi chín ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0006924 ngày 15/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Sáu

